

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TS
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2022

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thúy A, sinh năm 1998 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành N (N), sinh năm 1997 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TP 3, xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị Thúy A trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thành N (N) do mai mối khoảng hơn 01 tháng thì tổ chức lễ cưới và sống chung vào cuối năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 14/10/2020. Sau khi cưới thì vợ chồng sống chung với gia đình chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 01 con chung tên Nguyễn Võ Ngọc T, sinh ngày 19/10/2021. Sau khi sinh con được khoảng 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N đi làm không đưa tiền cho chị để lo cuộc sống gia đình, trong thời gian chị mang thai thì anh N mang sổ vàng cưới và vàng vợ chồng dành dụm có được giấu, cho nên vợ chồng xảy ra cự cãi. Khi đó mới sinh tinh thần chị cũng không được tốt mà vợ chồng cứ cự cãi nhau hoài nên ba mẹ ruột chị rước chị và con chị về nhà ba mẹ ruột. Sau đó, anh N có kêu chị về nhưng chị không chịu, thì anh N nói nếu chị tiếp tục ở bên ba mẹ chị thì ở một mình đi, anh N rước con về nhà ba mẹ anh N nên chị đồng ý cho anh N rước con về bên anh N cho đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ khi con được khoảng 1,5 tháng tuổi cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Thành N (N).

- *Về quan hệ con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Võ Ngọc T, sinh ngày 19/10/2021, hiện đang sống với anh N. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản*:

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

* *Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thành N (N) trình bày*:

Thông nhất với ý kiến trình bày của chị An do mai mối khoảng hơn 01 tháng thì tổ chức lễ cưới và sống chung vào cuối năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 14/10/2020. Sau khi cưới thì vợ chồng sống chung với gia đình chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 01 con chung tên Nguyễn Võ Ngọc T, sinh ngày 19/10/2021. Trong thời gian mang thai khoảng 01 tháng trước khi sinh thì do anh đi làm, nhà thì hay vắng người, nên anh có kêu mẹ ruột anh cất sổ vàng dùm chứ không phải giấu, việc anh đi làm có đưa tiền cho mẹ ruột là để phụ giúp gia đình vì vợ chồng sống chung với gia đình. Do đó vợ chồng cự cãi, phát sinh mâu thuẫn và chị A về nhà cha mẹ ruột chị A ở, anh có kêu về nhưng chị A không chịu về và có kêu anh rước con về khi đó

con được khoảng 1,5 tháng tuổi cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị A yêu cầu được ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Võ Ngọc T, sinh ngày 19/10/2021, hiện đang sống với anh từ 1,5 tháng tuổi đến nay. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản*:

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm*: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Thúy A và anh Nguyễn Thành N (N). Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Võ Ngọc T, sinh ngày 19/10/2021 cho anh Nguyễn Thành N (N) tiếp tục nuôi dưỡng, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Thành N (N) có địa chỉ tại ấp TP 3, xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thúy A và anh Nguyễn Thành N (N) chung sống với nhau từ vào cuối năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 14/10/2020. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thúy A, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và anh N sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Võ Ngọc T, sinh ngày 19/10/2021. Sau khi sinh con được khoảng 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N đi làm không đưa tiền cho chị để lo cuộc sống gia đình, trong thời gian chị mang thai thì anh N mang số vàng có được cất giấu nên vợ chồng xảy ra cự cãi và chị về nhà cha mẹ ruột ở. Mặc dù cả hai đã cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ khi con chung được khoảng 1,5 tháng tuổi cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho chị A và anh N hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Tại phiên tòa, chị A vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn anh N và anh N đồng ý ly hôn chị A. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Thúy A và anh Nguyễn Thành N (N).

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Võ Ngọc T, sinh ngày 19/10/2021, hiện đang sống với anh N từ 1,5 tháng tuổi đến nay. Chị A và anh N đều có yêu cầu được nuôi con chung khi ly hôn. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị A và anh N, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù, tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con” nhưng chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng mà chị A về nhà cha mẹ ruột ở và đã tự nguyện giao cháu T cho anh N nuôi dưỡng khi cháu T được 1,5 tháng tuổi cho đến nay chị cũng không đến thăm nom nên cháu T đã quen với điều kiện, môi trường sống hiện tại. Mặt khác, tại biên bản xác minh ở địa phương xác nhận anh N nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T rất tốt, anh N cũng đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu T. Do đó, nếu giao cháu T cho chị A nuôi dưỡng thì sẽ gây xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu T. Vì vậy, để ổn định cuộc sống của cháu T, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu T cho anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng anh N phải tạo điều kiện cho chị A đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Lẽ ra, chị A không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng anh N không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Võ Thị Thúy A yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Thúy A và anh Nguyễn Thành N (N).

Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2020 ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Võ Ngọc T, sinh ngày 19/10/2021 cho anh Nguyễn Thành N (N) tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Chị Võ Thị Thúy A không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Anh Nguyễn Thành N (N) phải tạo điều kiện cho chị Võ Thị Thúy A được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận chị Võ Thị Thúy A và anh Nguyễn Thành N (N) không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Võ Thị Thúy A và anh Nguyễn Thành N (N) vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009179 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm